TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 253/2022/QĐST-VDS	*Châu Thành, ngày 20 tháng 10 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 398/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1997;

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Văn Thành, sinh năm 1988;

Địa chỉ: ấp C, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thu H và anh Nguyễn Văn T kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vào ngày 27/11/2018 trên tinh thần tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận . Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống có hạnh phúc cho đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẩn nguyên nhân do tính tình không còn hợp nhau, nên hai vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ tháng 6/2022 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị H và anh T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận cho anh chị thuận tình ly hôn theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/6/2020 hàng tháng anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T cùng khai không có nên Tòa án không xét đến.

[4] Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh T nhận chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thu H với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi con là Nguyễn Thành Đ, sinh ngày 07/6/2020 hàng tháng anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị H là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Đ tròn 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị H và anh T cùng khai không có, nên Tòa án không xét đến.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) anh T nhận chịu toàn bộ, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) của anh T được khấu trừ vào biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006717 ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Anh T đã nộp đủ tiền lệ phí

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- TAT (Phòng kiểm tra);
- UBND xã D, huyện CT, tỉnh BT;
-Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN
Đã ký tên và đóng dấu

Nguyễn Quốc Tuấn